



SỰ DẪO DAI CỦA CHẾ ĐỘ CHUYÊN CHẾ

Nguồn: Nathan, Andrew J. (2003). “Authoritarian Resilience”, *Journal of Democracy* 14 (1), pp. 6-17.

Biên dịch: Nguyễn Việt Vân Anh | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Sau khủng hoảng Thiên An Môn (tháng 6, 1989), nhiều nhà quan sát cho rằng sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc (CCP) sẽ sụp đổ. Thế nhưng, chế độ này lại đưa lạm phát xuống tầm kiểm soát, phục hồi tăng trưởng kinh tế, mở rộng ngoại thương và thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trung Quốc cũng phục hồi quan hệ với các nước G7 trước đây từng áp đặt cấm vận lên nước này, tái khởi động các cuộc họp thượng đỉnh với Hoa Kỳ, làm chủ quá trình trao trả Hong Kong và giành quyền đăng cai Thế Vận Hội 2008 tại Bắc Kinh. Nhà nước Trung Quốc vẫn tiếp tục bắt giam hoặc trục xuất các nhà hoạt động chính trị chống đối, đập tan Đảng Dân chủ Trung Quốc mới nổi và dường như đã đàn áp thành công phong trào tôn giáo Pháp Luân Công.

Nhiều chuyên gia về Trung Quốc và các học giả nghiên cứu dân chủ, bao gồm cả tôi, trông đợi sự sụp đổ của chế độ này trong “Làn sóng dân chủ hóa thứ 3”.¹ Thế nhưng, chế độ này đã tự củng cố. Lý thuyết về các chế độ cầm quyền (regime theory) cho rằng các chế độ chuyên chế tự thân chúng đã yếu ớt vì tính chính danh (legitimacy) kém, dựa quá nhiều vào

Andrew J. Nathan là giáo sư Khoa học chính trị tại Đại học Columbia. Ông đồng biên tập với Perry Link cuốn sách *The Tiananmen Papers [Những tài liệu Thiên An Môn]* (xuất bản 2001) và đồng tác giả với Bruce Gilley cuốn sách *China's New Rulers: The Secret Files [Những nhà lãnh đạo mới của Trung Quốc: Những tài liệu mật]* (xuất bản 2002).

¹ Ví dụ, xem thảo luận nhiều tác giả về nền dân chủ Trung Quốc trong *Journal of Democracy* 9 (January 1998)

áp bức, tập quyền quá độ, và để cho quyền lực cá nhân áp đảo các chuẩn mực thể chế. Tuy nhiên, hệ thống chuyên chế của Trung Quốc lại đã chứng minh được sự dẻo dai của mình.²

Nguồn gốc của sự dẻo dai này vô cùng phức tạp. Nhiều nguyên nhân có thể được tóm gọn trong khái niệm “thể chế hoá” (institutionalization). Khái niệm này có thể hiểu theo nghĩa hiện đại như là việc các hành vi của con người bị hạn chế bởi các quy tắc chính thức hoặc không chính thức, hoặc có thể hiểu theo nghĩa cũ hơn được Samuel Huntington³ gọi là tổng hợp các đặc điểm bao gồm tính thích nghi, tính tinh vi, tính tự trị và tính gắn kết của các tổ chức nhà nước. Bài viết này tập trung vào bốn phương diện chính của quá trình thể chế hoá trong chế độ của Đảng Cộng sản Trung Quốc: 1) Quá trình chuyển giao quyền lực giữa các thế hệ lãnh đạo ngày càng dựa trên các chuẩn tắc; 2) Việc đề bạt tầng lớp tinh hoa chính trị ngày càng dựa trên thành tích hơn là quan hệ bè phái; 3) Sự phân công và chuyên môn hoá về chức năng của các thể chế trong bộ máy nhà nước; và 4) Sự thành lập các thể chế nhằm gia tăng sự tham gia chính trị và tính hấp dẫn đối với quần chúng nhằm giúp củng cố tính chính danh của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong toàn dân. Mặc dù những diễn biến trên không đảm bảo rằng chế độ này sẽ giải quyết được hết các khó khăn gặp phải, chúng cho thấy chúng ta cần cẩn trọng trước các lập luận vội vàng cho rằng chế độ này không thể thích nghi và tồn tại.

Chuyển giao quyền lực dựa trên các chuẩn tắc

Khi bài viết này được công bố, chính quyền Trung Quốc đang chứng minh sự ổn định hệ thống của mình: sự chuyển giao quyền lực hoà bình, trật tự từ thế hệ lãnh đạo thứ ba, đứng đầu là Giang Trạch Dân, sang thế hệ thứ tư, đứng đầu là Hồ Cẩm Đào. Rất ít các chế độ chuyên chế (dù là cộng sản, phát-xít, tập đoàn hay cá nhân) có thể thực hiện được việc chuyển giao quyền lực một cách hoà bình, trật tự, ổn định và kịp thời như vậy. Trong đa số các trường hợp, giai đoạn chuyển giao thường diễn ra trong khủng hoảng, trước hoặc sau lịch trình định sẵn, đi kèm là các vụ bất bớ, thanh trừng, chia bè kéo phái, thỉnh thoảng là bạo động và vũ lực, tạo cơ hội cho sự xâm nhập hỗn loạn của quần chúng hoặc quân đội vào các quá trình chính trị. Sự thành công trong quá trình chuyển giao lãnh đạo của Trung Quốc thể hiện mức độ thể chế hoá chưa từng thấy trong lịch sử của các chế độ chuyên chế lẫn lịch sử Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Đây là sự kế thừa hoà bình, ổn định, trật tự, có mục đích

² Nói theo một khái niệm của thuyết củng cố dân chủ, Đảng Cộng sản Trung Quốc thể hiện mình là lựa chọn duy nhất và đang trong quá trình thực hiện thành công quá trình chuyển giao quyền lực.

³ Samuel P. Huntington, *Political Order in Changing Societies* (New Haven: Yale University Press, 1968), 12–24.

và hợp pháp nhất trong lịch sử Trung Quốc hiện đại, nếu không tính đến sự phát triển của nền dân chủ đại diện (electoral democracy) gần đây ở Đài Loan.⁴

Tổng bí thư mới của Đảng Cộng sản Trung Quốc Hồ Cẩm Đào, người được bầu trong đại hội toàn quốc lần thứ 16 của Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức vào tháng 11 năm 2002 đã được xem là người kế vị từ 10 trước. Bốn trong số tám vị trí chủ chốt (Ngô Bang Quốc, Ôn Gia Bảo, Tăng Khánh Hồng và La Cán) đã được chọn sẵn từ 2 đến 3 năm trước. Bốn vị trí còn lại trong Thường vụ Bộ Chính trị đơn giản cũng được đề bạt từ số các thành viên Bộ Chính trị khóa trước. Trừ khi có khủng hoảng, quá trình chuyển giao này kết thúc trong ổn định vào tháng 3 năm 2003 khi Hồ Cẩm Đào được bầu làm Chủ tịch nước và Bí thư Quân uỷ Trung ương, Ngô Bang Quốc trở thành Chủ tịch Quốc hội và Ôn Gia Bảo trở thành Thủ tướng. Các nhà lãnh đạo mãn nhiệm như Chủ tịch nước Giang Trạch Dân, Chủ tịch Quốc hội Lí Bằng và thủ tướng Chu Dung Cơ rời khỏi các chức vụ trong Đảng vào mùa Thu, và không còn đóng vai trò trực tiếp nào nữa về chính trị.

Cần phải nhìn lại quá trình lịch sử ta mới có thể thấy sự chuyển giao này là một sự thành công và tiến bộ lớn. Trong những năm Mao Trạch Đông tại vị, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc hội ít khi tổ chức họp, và nếu có cũng thường không theo đúng lịch cụ thể. Chúng ta cũng không thấy nhiệm kỳ cụ thể hay hạn chế tuổi tác cho vị trí “lãnh đạo tối cao”: Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình đều giữ quyền lực tối cao cho đến cuối đời. Ta cũng không thấy sự kế thừa quyền lực một cách trật tự của người kế nhiệm: Mao Trạch Đông thanh trừng chủ tịch nước Lưu Thiếu Kỳ bằng cách cho Hồng Vệ Binh cầm tù ông cho đến lúc chết. Người được chỉ định thừa kế chính thức Mao Trạch Đông là Lâm Bưu, bị cho là tìm cách tiếm quyền Mao, sau khi bị phát hiện đã chết trong một vụ rơi máy bay khi đang đào thoát. Mao Trạch Đông sau đó bổ nhiệm Hoa Quốc Phong làm người thừa kế đơn giản bằng cách nói rằng Hoa Quốc Phong là “lựa chọn” của mình. Theo lệnh của Đặng Tiểu Bình, Hoa Quốc Phong bị cách chức trước khi mãn nhiệm. Đặng Tiểu Bình cũng loại trừ chính hai người kế tục mà mình lựa chọn, đó là Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương. Đặng Tiểu Bình cùng những nhà lãnh đạo lão thành khác vượt mặt Bộ Chính trị vào năm 1989 khi đặt Giang Trạch Dân vào vị trí kế nhiệm lãnh đạo Đảng.

Nếu đem so sánh với những tiền lệ trong quá khứ, ta có thể thấy sự kế thừa chính trị gần đây mang nhiều điểm mới, biểu thị sự thể chế hoá:

⁴ Dữ liệu thực tế cho bài luận này có thể tìm thấy trong Andrew J. Nathan and Bruce Gilley, *China's New Rulers: The Secret Files* (New York: New York Review Books, 2002), và được tóm tắt trong hai bài viết trong *New York Review of Books*, 26 September & 10 October 2002. Các bài viết này đều dựa trên Zong Hairen, *Disidai (The Fourth Generation)* (Carle Place, N.Y.: Mirror Books, 2002). Phân tích của Zong Hairen về thể hệ lãnh đạo mới của Trung Quốc dựa trên các tài liệu lấy từ các báo cáo thẩm tra nội bộ các ứng viên cho Bộ Chính trị mới được soạn thảo bởi Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

- Giang Trạch Dân hoàn thành hết toàn bộ các nhiệm kỳ của mình: Ông được bầu vào vị trí Tổng Bí thư năm 1989, tái đắc cử vào các năm 1992 và 1997, phục vụ tổng cộng hai nhiệm kỳ rưỡi (Giang Trạch Dân cũng lên giữ chức Chủ tịch Quân uỷ Trung ương vào năm 1989 và Chủ tịch nước vào năm 1992). Người đỡ đầu cho Giang Trạch Dân không loại bỏ ông (mặc dù Đặng Tiểu Bình từng có ý định này vào năm 1992). Giang Trạch Dân lên chức Tổng Bí thư qua mặt Lí Bằng và Lý Thụy Hoàn, nhưng hai vị này, dù có những xích mích với Giang Trạch Dân, đã không tìm cách thay thế ông. Để củng cố quyền lực, Giang sắp xếp loại bỏ quyền lực của Dương Thượng Côn (1992) và Kiều Thạch (1997), nhưng cả 2 người này cũng không tìm cách truất quyền của Giang Trạch Dân.
- Giang Trạch Dân mãn nhiệm theo đúng thời hạn đã định. Năm 1997, Bộ Chính trị đưa ra một luật bất thành văn rằng các lãnh đạo cấp cao không được tái bổ nhiệm nếu đã 70 tuổi. Vào thời điểm đó, Giang Trạch Dân đã 71 tuổi nhưng ông tuyên bố mình là một ngoại lệ duy nhất và hứa sẽ nghỉ hưu vào năm 2002. Lời hứa này cùng với việc Giang Trạch Dân vào năm 2002 đã 76 tuổi khiến ít người nghĩ tới việc ông ta sẽ tiếp tục tại vị, mặc dù báo chí nước ngoài từng suy đoán Giang cố gắng giữ ghế. Quy định giới hạn 70 tuổi này cũng bắt buộc Giang Trạch Dân phải mãn nhiệm vị trí Chủ tịch Quân uỷ Trung ương, vị trí mà trước nay chưa hề có nhiệm kỳ hay hạn chế tuổi tác và quy định năm 1997 cũng không được áp dụng rõ ràng cho vị trí này. Vị trí thứ 3 của Giang Trạch Dân là chủ tịch nước đã được Hiến pháp quy định chỉ được 2 nhiệm kỳ.
- Giang Trạch Dân là lãnh đạo đầu tiên trong lịch sử của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa không chọn người kế vị. Mao Trạch Đông đã chọn Lưu Thiệu Kỳ, Lâm Bưu, Hoa Quốc Phong. Đặng Tiểu Bình từng chọn nhiều người kế tục như Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương, Giang Trạch Dân. Thay vào đó, Đặng Tiểu Bình chọn người kế nhiệm Giang Trạch Dân bằng cách dọn đường cho Hồ Cẩm Đào trở thành thành viên trẻ tuổi nhất của Thường vụ Bộ Chính trị vào năm 1992. Và trong 10 năm Hồ Cẩm Đào ở trong Thường Vụ Bộ Chính trị với tư cách người kế nhiệm được chỉ định không chính thức thì Giang Trạch Dân cũng không tìm cách loại bỏ ông. Thủ tướng sắp lên cầm quyền Ôn Giả Bảo được chọn theo đề nghị của thủ tướng Chu Dung Cơ, qua mặt Ngô Bang Quốc hoặc Lí Trường Xuân, vốn là những lựa chọn của Giang Trạch Dân.
- Những lãnh đạo về hưu không tìm cách can thiệp vào quá trình kế thừa cũng như các quyết định khác. Quyền can thiệp của 3 nhà lãnh đạo lão thành Đặng Tiểu Bình, Trần Vân, Lí Tiên Niệm được dựa trên một nghị quyết bí mật của Bộ Chính trị vào năm 1987 và được củng cố bởi việc Đặng Tiểu Bình nắm chức Chủ tịch Quân uỷ Trung ương. Quyền can thiệp nói trên thể hiện rõ nhất trong sự kiện Thiên An Môn

năm 1989.⁵ Năm 1997, người cuối cùng trong bộ 3 này là Đặng Tiểu Bình qua đời. Một tầng lớp các lãnh đạo lão thành mới được thành lập khi Kiều Thạch cùng một số vị khác rời khỏi Thường vụ Bộ Chính trị. Nghị quyết 1987 nói trên không được áp dụng cho lớp lãnh đạo lão thành mới, và không ai trong số họ tiếp tục có mặt trong Quân uỷ Trung ương. Sau khi về hưu họ vẫn tiếp tục được nhận những tài liệu nội bộ của Đảng và thỉnh thoảng đưa ra ý kiến,⁶ nhưng họ không được tham gia các cuộc họp của Bộ Chính trị và không được thực hiện quyền đưa ra quyết định.

- Quân đội không can thiệp vào quá trình chuyển giao lãnh đạo. Mặc dù có một số lãnh đạo cấp cao của quân đội đưa ra ý kiến ủng hộ Giang Trạch Dân tiếp tục giữ chức Bí thư Quân uỷ Trung ương, các ý kiến này đã không được xem xét. Các tướng lĩnh trên không đưa ra ý kiến về các lãnh vực khác trong việc chuyển giao quyền lực. Việc chuyển giao quyền lực giữa các tướng lĩnh quân đội trong Quân uỷ Trung ương cũng được thực hiện gần giống với phía dân sự: Các sĩ quan cấp cao trên 70 tuổi và có liên quan đến Giang Trạch Dân như đại tướng Fu Quanyou và Yu Yongbo đều về hưu và được thay thế bởi lớp các sĩ quan trẻ. Cũng theo truyền thống có từ năm 1997, không có sĩ quan quân đội nào được bầu vào Thường vụ Bộ Chính trị, chỉ có một số đại diện của quân đội được tham gia vào Bộ Chính trị mà thôi.
- Việc lựa chọn các thành viên của Bộ Chính Trị mới nhận được sự đồng thuận của Bộ Chính trị cũ. Quá trình này chắc chắn do các thành viên kỳ cựu làm chủ, và mỗi người đều cố gắng đưa người thân quen vào Bộ Chính trị nhiệm kỳ mới. Nhưng những cân nhắc mang tính bè phái này đều diễn ra trong các giới hạn đặt ra bởi nhu cầu cần có sự đồng thuận giữa các lãnh đạo. Không lãnh đạo cấp cao nào, bao gồm Giang Trạch Dân, Lí Bằng hay Chu Dung Cơ, đủ quyền lực để áp đặt người do mình đề cử lên các thành viên Bộ Chính trị khác trái với mong muốn của họ.

Trong lịch sử Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa chưa từng xảy ra việc chuyển giao quyền lãnh đạo được sắp xếp từ sớm đến vậy. Quá trình kế thừa này cũng diễn ra ổn định và giúp chuyển giao hoàn toàn quyền lực một cách rõ ràng sang cho thế hệ lãnh đạo mới. Điều này không có nghĩa rằng bè phái đã biến mất nhưng nó cho thấy quyền lực của các lãnh đạo Đảng giờ ở một trạng thái cân bằng lẫn nhau nhờ những bài học từ lịch sử. Các nhánh phái quyền lực hiện nay không đủ mạnh để phá bỏ luật chơi khó khăn lắm mới có thể đạt được này. Và quan trọng hơn hết là họ cũng không có ý định làm vậy. Hiện nay, tại Trung Quốc

⁵ *The Tiananmen Papers: The Chinese Leadership's Decision to Use Force Against Their Own People—In Their Own Words*, Zhang Liang, comp., Andrew J. Nathan and Perry Link, eds. (New York: PublicAffairs Books, 2001), 102, n. 1, và các nơi khác.

⁶ Zong Hairen, *Zhu Rongji zai 1999 (Zhu Rongji in 1999)* (Carle Place, N.Y.: Mingjing Chubanshe, 2001); Bản dịch tiếng Anh do Andrew J. Nathan hiệu đính trong *Chinese Law and Government* (January–February & March–April 2002).

cũng không tồn tại một nhân vật nào với quyền lực tối cao có thể làm đảo lộn các luật lệ trên, điều này giúp cho các luật chơi càng thêm vững mạnh.

Việc trọng dụng nhân tài dần thay đổi tính bè phái

Tính bè phái đóng một phần vai trò trong việc chuyển giao quyền lực. Nhưng quá trình sàng lọc nhân tài diễn ra suốt 20 năm cho những đề cử chủ chốt giúp giảm thiểu chính trị bè phái. Trừ những năm Đại Cách mạng Văn hoá (1966-76), cả hai yếu tố tài năng và phe phái đều được cân nhắc trong quá trình đề bạt cán bộ của nhà nước độc đảng Trung Quốc. Trước đây, dù là trong giai đoạn nhân tài được trân trọng nhất thì yếu tố quyết định trong việc đề bạt lãnh đạo cấp cao chính là khả năng thích ứng với những biến đổi quyền lực và lòng trung thành cá nhân với các lãnh đạo tối cao như Mao Trạch Đông hay Đặng Tiểu Bình. Dù dần lãnh đạo mới hiện nay vừa thao lược về chính trị vừa sắc bén về ý thức hệ, và đa phần có quan hệ gắn bó với một lãnh đạo cấp cao nào đấy, nhưng họ vươn lên chủ yếu nhờ vào khả năng quản lí, kiến thức kỹ thuật, nền tảng học thức và lòng trung thành với Đảng hơn là với một cá nhân nào đó.

Quá trình này bắt đầu vào năm 1980 khi Đặng Tiểu Bình chỉ thị các lãnh đạo cấp cao của Đảng tiến hành “tứ hoá” đối với đội ngũ cán bộ bằng cách tìm kiếm và trọng dụng những Đảng viên trên dưới 40 tuổi phù hợp với tiêu chí “cách mạng hoá, thanh niên hoá, trí thức hoá, và chuyên nghiệp hoá”. Thông qua con đường này mà Hồ Cẩm Đào được Bí thư Tỉnh ủy Cam Túc, nơi ông làm việc lúc đó, đề bạt thăng chức qua nhiều cấp, Ngô Bang Quốc được chọn làm bí thư Đảng ủy của Hội đồng Khoa học và Công nghệ Thượng Hải, Ôn Gia Bảo trở thành phó trưởng phòng Cục Địa chất tỉnh Cam Túc. Đối với các thành viên mới khác của Bộ Chính Trị, câu chuyện cũng gần tương tự.

Năm 1983, Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lập một danh sách các đảng viên trẻ hứa hẹn của thế hệ “tứ hoá” để tham khảo mỗi khi cần đề bạt một cán bộ trẻ vào các chức vụ cấp bộ. Hồ Cẩm Đào được chọn trong danh sách này để nhậm chức Bí thư tỉnh uỷ Quý Châu, Ôn Gia Bảo nhậm chức Phó Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng, vv... Cũng bằng chính sách trẻ hóa cán bộ này mà Đặng Tiểu Bình đã ra chỉ thị yêu cầu bầu một đảng viên dưới 50 tuổi vào Thường vụ Bộ Chính trị nhiệm kỳ 14 vào năm 1992. Người được lựa chọn là Hồ Cẩm Đào. Điều này cho thấy việc nhậm chức Tổng Bí thư là kết quả của một quá trình trật tự được khởi động từ trước đó 20 năm.

Năm trong số chín thành viên mới của Thường vụ Bộ Chính trị đều là ủy viên hoặc ủy viên dự khuyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào năm 1982. Điều này cho thấy quá trình kế thừa được thực hiện có chủ ý và theo định kỳ. Việc chọn lựa các thành viên Thường vụ Bộ Chính trị từ nhóm nhỏ các ứng viên đã qua 20 năm rèn luyện và sàng lọc đã hạn chế bớt vai trò của chủ nghĩa bè phái trong giai đoạn 2000 đến 2002. Giang Trạch Dân có thể chống lưng cho Tăng Khánh Hồng và Tăng Bồi Viêm, Lý Bằng cho La Cán, và Chu

Dung Cơ cho Ôn Gia Bảo, nhưng phải dựa trên thành tích của những người này trong 20 năm ở các chức vụ khó khăn về hành chính và kỹ thuật, chứ không phải dựa trên tầm quan trọng mang tính biểu tượng (như Mao Trạch Đông đề cử Trần Vĩnh Quý) hoặc dựa trên lý do ý thức hệ (như việc Mao Trạch Đông thăng chức cho Bè lũ Bốn tên).

Quy chuẩn về tính trung lập dần được chấp nhận bởi các lãnh đạo cấp cao ở Trung ương Đảng, Quốc vụ viện và Quân uỷ Trung ương, nên việc tiến thân của các đảng viên ưu tú sẽ không bị cản trở bởi tính bè phái ở cấp cao nhất. Khi Triệu Tử Dương mất quyền vào năm 1989, một vài người thân cận của ông lập tức bị thanh trừng, nhưng phần lớn trong số đó dần chuyển qua công tác ở cấp hành chính thứ yếu hơn trong vòng vài năm sau đó. Một vài người thậm chí tiếp tục thăng tiến. Ví dụ như Ôn Gia Bảo 8 năm liền giữ trọng trách là Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng dưới cả 3 đời tổng bí thư Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương và Giang Trạch Dân. Điều này khác xa với những gì diễn ra trong quá khứ: khi một lãnh đạo bị thanh trừng, tất cả các nhân vật thân cận đều bị giáng xuống vài ba cấp trong hệ thống chính trị. Cơ chế mới giúp cho các nhân vật có tài được thăng tiến, hạn chế mặt trái của tính phe phái.

Sản phẩm của quá trình được chính quy hóa và ít bè phái hơn này là một lực lượng lãnh đạo có tài năng và tinh thần cao, đại diện cân bằng cho các phe phái trong Đảng. Vì không có một hoặc hai cá nhân áp đảo nên cơ chế quyết định tập thể bị hạn chế. Nhóm lãnh đạo này cũng chia sẻ quyền lực tương tự như các hệ thống lãnh đạo chính trị khác, bởi các cá nhân đều thăng tiến thông qua quá trình sàng lọc như nhau nên họ cho quá trình đó là tương đối công bằng.⁷ Liệu những sự kiện nói trên có đảm bảo quá trình chuyển giao quyền lực trong tương lai được ổn định hay không vẫn còn bỏ ngỏ, nhưng khả năng đó được tăng lên khi quá trình chuyển giao quyền lực hiện tại giúp củng cố những quy định được giới lãnh đạo ủng hộ (ví dụ, giới hạn độ tuổi dưới 70) và dựa trên bài học lịch sử (như các quy định về hệ thống trọng dụng và đề bạt người tài), và sự cố kết về mặt cấu trúc dựa trên cơ cấu chính trị phi chính thức về cân bằng quyền lực giữa các phe phái.

Sự chuyên môn hóa các tổ chức trong bộ máy nhà nước

Vào thời điểm cao trào của quá trình cải cách chính trị năm 1987, Triệu Tử Dương đề xuất “tách bạch Đảng với chính phủ” và “tách biệt Đảng với các doanh nghiệp kinh tế”. Khi Triệu Tử Dương bị hạ bệ vào năm 1989, ý tưởng này bị từ bỏ. Nhưng trong vòng 14 năm sau, những đề xuất của Triệu Tử Dương dần dần được thực hiện khi sự phân tách trách nhiệm và phạm vi thẩm quyền giữa các cơ quan, vốn là những đặc điểm mà Max Weber coi

⁷ Như mọi quy trình đề bạt dựa trên năng lực khác, kế hoạch này cũng có yếu tố dự phòng. Sự nghiệp của Hồ Cẩm Đào là một ví dụ điển hình, có thể thấy ở việc lựa chọn Hồ Cẩm Đào trong 4 ứng viên làm đại diện cho thế hệ thứ 4 bầu vào Thường vụ Bộ Chính trị.

là mang tính quyết định đối với một nhà nước hiện đại, ngày càng tăng lên. Một khi một cơ quan có một trách nhiệm và quyền hạn cụ thể nào đó thì trách nhiệm và quyền hạn đó không thể bị can thiệp. Đặc biệt, sự can thiệp vào trách nhiệm và quyền hạn đó đang dần bị xem là không hợp pháp.

Một nhóm chuyên gia thuộc Trung ương Đảng điều phối và quyết định các vấn đề liên quan đến ý thức hệ, dân vận và tuyên truyền (đó là các nhân vật như Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào, Lý Thuy Hoàn, Tăng Khánh Hồng trong Bộ Chính trị vừa mãn nhiệm). Một nhóm khác thuộc Quốc vụ viện đưa ra các quyết định về chính sách kinh tế (như thủ tướng Chu Dung Cơ, phó thủ tướng Ôn Gia Bảo và Ngô Bang Quốc, cùng các thành viên Quốc vụ viện khác cũng như phần lớn các Chủ tịch tỉnh và Bí thư tỉnh ủy). Các chủ tịch tỉnh và bí thư tỉnh ủy có quyền hạn ngày càng lớn trong việc đưa ra chính sách cấp tỉnh trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội, môi trường, đầu tư nước ngoài, và phát triển kinh tế. Nhiều tập đoàn kinh tế nhà nước lớn đã được cổ phần hoá trở thành các tập đoàn nhà nước và tư nhân đồng sở hữu. Chính sách của các tập đoàn trên được quyết định dựa trên cơ sở kinh tế hơn là chính trị. Các thành viên Quốc vụ viện, các quan chức cấp tỉnh và lãnh đạo các tập đoàn ngày càng được xét tuyển dựa vào chuyên môn liên quan đến chính sách. Và các nhà hoạch định chính sách kinh tế ở mọi cấp càng ngày càng ít bị can thiệp bởi quan chức Đảng phụ trách tuyên giáo và dân vận.

Quốc hội Trung Quốc dần trở nên độc lập, đề xuất các dự luật, chủ động xem xét và chỉnh sửa các dự luật được trình lên nhiều hơn trước.⁸ Cảnh sát và toà án vẫn còn mang đậm tính chính trị nhưng ít nhất ở hệ thống toà án, chuẩn tắc về tính độc lập của toà án đã được công bố (trong Luật Thẩm phán năm 1994 và một số luật khác). Các thẩm phán áp dụng tính độc lập đó thường xuyên hơn trong các vụ án kinh tế và hình sự không quá nhạy cảm đến mức để Đảng phải can thiệp.

Mặc dù mang tính chính trị cao và đặt dưới sự chỉ đạo của Đảng, quân đội giờ đây tinh gọn, hiệu quả và chuyên nghiệp hơn. Các sĩ quan được tiến cử vào Quân uỷ trong kỳ chuyển giao thế hệ lãnh đạo này chủ yếu dựa trên thành tích chuyên môn đạt được, khác với những giai đoạn trước chủ yếu dựa vào mức độ trung thành chính trị.⁹ Đã có đề xuất, đặc biệt từ các sĩ quan trẻ, về việc phi chính trị hoá quân đội, để lực lượng này không có nghĩa vụ bảo vệ sự cầm quyền của bất kỳ một đảng phái nào. Mặc dù Tổng Bí thư mới được bầu Hồ Cẩm Đào bác bỏ những đề xuất trên, chí ít việc đề xuất đó được nêu lên đã cho thấy sự chuyên nghiệp ngày càng tăng trong hàng ngũ sĩ quan quân đội Trung Quốc.¹⁰

⁸ Michael Dowdle, “The Constitutional Development and Operations of the National People’s Congress,” *Columbia Journal of Asian Law* 12 (Spring 1997): 1–125.

⁹ Disidai, ch. 11.

¹⁰ Disidai, ch. 1.

Truyền thông Trung Quốc đa số thuộc sở hữu của Đảng và các cơ quan nhà nước. Nhưng gần đây giới truyền thông ngày càng được thương mại hoá và dần giảm đi tính chính trị. Một bộ phận không nhỏ các cơ quan truyền thông quan trọng vẫn chịu sự quản lý trực tiếp của Ban Tuyên huấn của Đảng như: Nhân Dân Nhật Báo, Tân Hoa Xã, Truyền hình Trung ương, các tờ báo cấp tỉnh và các tờ báo quân đội, vv... Nhưng đứng trước áp lực cạnh tranh thị phần, các kênh truyền truyền này và đặc biệt là các báo, tạp chí, kênh phát thanh truyền hình khác, đều ít nhiều đưa các tin tức giải trí như phim ảnh, ngôi sao, thể thao... Trong mảng chính trị, các kênh thông tin này thường lẩn ra ngoài các giới hạn kiểm duyệt của chính quyền khi đăng các bài phóng sự điều tra về tham nhũng hoặc lạm quyền.

Chắc chắn rằng chính quyền Trung Quốc vẫn là một chính quyền độc đảng. Đặc trưng của loại chính quyền này là Đảng hiện diện trong mọi thể chế và đưa ra chính sách trong mọi lĩnh vực. Đó vẫn là một hệ thống đơn nhất và tập trung hóa, trong đó quyền lực ở trung ương được phân bổ xuống các cấp thấp hơn. Nhưng các lãnh đạo và Trung ương Đảng không chi phối hoạt động của các cơ quan khác như dưới thời Mao Trạch Đông hay Đặng Tiểu Bình (ở mức độ thấp hơn) đã từng làm. Các yếu tố ý thức hệ có tác động nhỏ, nếu không muốn nói là không có, đến các quyết sách. Các quan chức ngày càng được đề bạt dựa trên năng lực chuyên môn trong những lĩnh vực liên quan.

Điều này phần nào có thể đưa đến kết luận về tính thực dụng của chính quyền Trung Quốc. Tuy nhiên, đằng sau sự thực dụng đơn thuần ta có thể thấy được sự gia tăng tính tỉ mỉ, tự trị và gắn kết của các thể chế, những đặc điểm mà theo lý thuyết của Huntington sẽ giúp cho chính quyền Trung Quốc thích ứng tốt hơn trước những thách thức sắp đến.

Các thể chế nhằm gia tăng sự tham gia chính trị và tính chính danh của chế độ

Năm 1989, các cuộc biểu tình vì dân chủ có quy mô toàn quốc thể hiện sự bất mãn của bộ phận lớn người dân thành thị. Việc tính chính danh của chế độ (được hiểu là việc công chúng tin tưởng rằng chế độ đó hợp pháp và nên được phục tùng) được khôi phục và giữ vững sau sự kiện Thiên An Môn đã làm các nhà nghiên cứu bối rối.

Các lý thuyết về chế độ chuyên chế cùng những ấn tượng thực nghiệm về tình hình hiện tại ở Trung Quốc có thể khiến một số người đi đến kết luận rằng tính chính danh của nhà nước Trung Quốc hiện tại ở mức thấp. Mặc dù các chế độ chuyên chế thường đạt được tính chính danh cao khi mới thành lập, tính chính danh đó thường giảm dần theo thời gian vì nhu cầu cần có các quy trình dân chủ nhằm duy trì sự đồng thuận trong nhân dân. Hệ tư tưởng của nhà nước Trung Quốc hiện nay đã phá sản. Việc chuyển đổi từ nền kinh tế xã hội chủ nghĩa sang nền kinh tế mang bản chất thị trường tạo ra nhiều bất ổn xã hội. Nhà nước buộc phải sử dụng các biện pháp cưỡng chế để dập tắt các bất đồng chính trị hoặc tôn giáo.

Các bằng chứng trực tiếp về thái độ của người dân lại thể hiện điều ngược lại. Trong một khảo sát toàn quốc năm 1993 của Tianjian Shi, 94,1% người tham gia đồng ý hoặc rất đồng ý với nhận xét “Chúng ta nên tin tưởng và nghe lời chính quyền vì chính quyền phục vụ lợi ích của người dân.” Bản khảo sát năm 2002 của Shi cũng cho thấy tỉ lệ phần trăm cao người tham gia trả lời tương tự khi nhận định về chính quyền trung ương lẫn địa phương.¹¹ Các bằng chứng từ các nghiên cứu định tính lẫn định lượng cho thấy sự bất mãn thể hiện ở các cuộc biểu tình của công nhân hoặc nông dân thường nhắm đến các chính quyền địa phương, còn toàn bộ chế độ nói chung vẫn được người dân chấp nhận ở mức độ cao.

Một số lí giải được đưa ra gồm có:

- Mức sống của đa số người dân tăng sau 2 thập kỉ tăng trưởng kinh tế.
- Đảng Cộng sản thu phục tầng lớp tinh hoa bằng cách cho phép nhiều người có năng lực từ các thành phần đa dạng vào Đảng, đồng thời bảo vệ một cách không chính thức quyền sở hữu tài sản cho các doanh nhân trong khu vực tư nhân. Nền tảng lý luận của chính sách mới này được dựa trên thuyết “Ba Đại diện” của Giang Trạch Dân: Đảng nên đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, nền văn hóa tiên tiến và các lợi ích cơ bản của toàn bộ người dân lao động Trung Quốc, tức là cả tầng lớp trung lưu (thậm chí ưu tiên hơn) lẫn công nhân và nông dân.
- Người Trung Quốc tin tưởng tương đối cao ở người khác. Tính cách này là nền tảng giúp tính chính danh của nhà nước vững mạnh hơn.¹²
- Người dân Trung Quốc ưu tiên sự ổn định và lo ngại hỗn loạn chính trị. Đảng Cộng sản Trung Quốc thường lấy tình hình hỗn loạn của nước Nga hậu Xô-viết làm gương để thuyết phục người dân, trong đó có cả tầng lớp trí thức, những người có nhiều khả năng mang thái độ chỉ trích chế độ, rằng cải cách chính trị có thể phương hại đến phúc lợi của họ.
- Nhờ đàn áp chính trị thành công nên hiện nay không có một tổ chức, cơ cấu nào thay thế cho việc lựa chọn chính quyền hiện tại.
- Việc đàn áp chính trị từ 1989 bản thân nó đã tạo ra tính chính danh cho chính quyền khi người dân dần tin rằng quyền lực của nhà nước đang rất vững mạnh. Việc đàn áp thành công có thể mang lại sự tuân phục nhất thời từ người dân, tuy nhiên nếu muốn sự tuân phục đó cộng hưởng trong xã hội thì hiệu quả hoạt động (performance) và sự đáp ứng yêu cầu từ người dân (responsiveness) của nhà nước, vốn là hai thành phần

¹¹ Khảo sát năm 1993 được tiến hành cho dự án “Political Culture and Political Participation in Mainland China, Taiwan, and Hong Kong.” Khảo sát năm 2002 được tiến hành cho dự án “East Asia Barometer: Comparative Survey of Democratization and Value Changes.” Dữ liệu do Tianjian Shi cung cấp.

¹² Ronald Inglehart, *Modernization and Postmodernization: Cultural, Economic, and Political Change in 43 Societies* (Princeton: Princeton University Press, 1997), 173, n. 2. Xem thêm Tianjian Shi, “Cultural Impacts on Political Trust: A Comparison of Mainland China and Taiwan,” *Comparative Politics* 33 (July 2001): 401–19.

tạo nên tính chính danh, phải được người dân đánh giá tương đối cao.¹³ Để trấn an về tâm lí, người dân có thể tự cho rằng mình đang chấp nhận chế độ một cách tự nguyện, chính xác là vì, chứ không phải bắt chấp, thực tế rằng họ không có lựa chọn nào khác.

Các lí giải đều phần nào đúng. Tuy nhiên, tôi muốn đề xuất một hướng giải thích khác, liên quan đến thể chế hoá. Nhà nước Trung Quốc đã phát triển hàng loạt những cơ chế, tổ chức thu nhận nguyện vọng, ý kiến của người dân. Điều này làm cho người dân tin rằng họ có khả năng ảnh hưởng đến các quyết định chính sách và lựa chọn nhân sự ở cấp địa phương.

Công trình nghiên cứu toàn diện nhất về những cơ chế, tổ chức nói trên là cuốn sách *Tham gia chính trị ở Bắc Kinh* của Tianjian Shi. Mặc dù các khảo sát được thực hiện trước năm 1989, các cơ chế được mô tả trong đó vẫn còn tồn tại. Theo Tianjian Shi, người Trung Quốc tham gia chính trị ở cấp địa phương và cơ quan làm việc theo nhiều cách khác nhau, bao gồm: bầu cử, hỗ trợ các ứng viên ở các cuộc bầu cử địa phương và vận động hành lang cho thủ trưởng đơn vị công tác của mình. Việc tham gia vào các quá trình này là thường xuyên và mức độ hoạt động có liên quan đến niềm tin vào hiệu quả chính trị (được định nghĩa là niềm tin rằng cá nhân có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hệ thống chính trị). Lập luận của Shi được Melanie Manion ủng hộ. Các nghiên cứu của Melanie Manion cho thấy ở những địa phương cấp thôn diễn ra bầu cử cạnh tranh, chính sách của các lãnh đạo gắn với nguyện vọng của người dân hơn so với ở những thôn không có bầu cử cạnh tranh.¹⁴

Ngoài những thể chế được Tianjian Shi và Melanie Manion đề cập, còn có ít nhất 4 cơ chế khác giúp tăng tính chính danh của chế độ trong nhân dân:

- Luật Tố tụng Hành chính năm 1989 cho phép người dân kiện cơ quan nhà nước đối với các hành động vi phạm chính sách chính phủ. Theo Minxin Pei, tổng số vụ kiện vào năm 1999 là 98.600. Tỷ lệ thành công của các vụ kiện trên (tính bằng số vụ thắng kiện ở toà lẫn các vụ dàn xếp có lợi cho bên nguyên) là 27% đến 40%. Ít nhất ở một tỉnh, chính quyền đã cung cấp hỗ trợ tài chính thông qua chương trình trợ giúp pháp lý để giúp người dân nghèo có thể được hưởng lợi từ chương trình.¹⁵

¹³ Về các cấu phần của tính chính danh, xem M. Stephen Weatherford, "Measuring Political Legitimacy," *American Political Science Review* 86 (March 1992): 149–66. Mối quan hệ giữa việc áp bức thành công và tính chính danh chỉ mang tính giả thiết; cho đến lúc này tôi biết giả thiết đó chưa được chứng minh trên thực tế.

¹⁴ Tianjian Shi, *Political Participation in Beijing* (Cambridge: Harvard University Press, 1997); Melanie Manion, "The Electoral Connection in the Chinese Countryside," *American Political Science Review* 90 (December 1996): 736–48.

¹⁵ Minxin Pei, "Citizens v. Mandarins: Administrative Litigation in China," *China Quarterly* (December 1997): 832–62, và trao đổi riêng. Về trợ giúp pháp lý, xem Disidai, ch. 7; tỉnh được nêu là tỉnh Quảng Đông.

- Các cơ quan nhà nước và Đảng mở các văn phòng tiếp dân để nhận khiếu nại của người dân thông qua thư từ hoặc gặp mặt trực tiếp. Các nghiên cứu về cơ chế này không nhiều, nhưng các văn phòng nói trên là phổ biến và khả năng giải quyết của chúng đối với các khiếu nại của cá nhân là đáng kể.
- Khi Đại hội đại biểu nhân dân các cấp (tương tự Hội đồng nhân dân ở Việt Nam – ND) trở nên độc lập hơn, cùng với việc các hội nghị tư vấn chính trị của người dân và Mặt trận Thống nhất nhóm họp trước khi diễn ra Đại hội đại biểu nhân dân các cấp, các Đại hội này đã trở thành một kênh ngày càng quan trọng trong việc giúp chuyển tải những bất mãn của người dân thông qua các đại biểu.
- Khi các cơ quan truyền thông đại chúng trở nên độc lập và hướng đến phục vụ thị trường nhiều hơn, các cơ quan này cũng thường đóng vai trò là các diễn đàn của người dân, giúp vạch trần và điều tra các tiêu cực của các quan chức địa phương.

Các kênh thu nhận khiếu nại và đòi hỏi của người dân nêu trên có hai đặc điểm chung. Thứ nhất, là chúng khuyến khích cá nhân thay vì các nhóm đưa ra ý kiến vì khiếu nại theo nhóm được xem là nguy hại hơn cho chế độ. Thứ hai, các kênh này hướng các khiếu nại vào các cơ quan hoặc quan chức địa phương cụ thể, làm cho những tấn công hoặc bất mãn nhắm đến chế độ nói chung giảm đi. Theo đó, các kênh này giúp người dân có thể bày tỏ bức xúc hoặc bất mãn nhưng không gây nguy hiểm cho toàn bộ chế độ.

Chế độ chuyên chế đang chuyển đổi?

Mặc cho đã thực hiện nhiều thay đổi: thể chế hoá quá trình chuyển giao quyền lực, trọng dụng nhân tài, chuyên môn hoá các cơ quan nhà nước, xây dựng các cơ chế giúp người dân tham gia vào chính trị và tăng tính hấp dẫn của chính quyền, nhưng Trung Quốc vẫn còn phải vượt qua nhiều thử thách để có thể tiếp tục tồn tại. Bài viết này không tìm cách dự báo trước chế độ có thành công trong việc vượt qua các thử thách này hay không. Từ những bằng chứng có sẵn, chúng ta chỉ có thể kết luận được rằng nhà nước Trung Quốc không hề suy yếu, thụ động, hay thiếu giải pháp chính trị. Không như tầng lớp lãnh đạo của Liên Xô hay Đông Âu vào cuối thập niên 1980 đầu 1990, giới lãnh đạo Trung Quốc cho rằng mình không nằm ở giai đoạn “cáo chung của lịch sử” (“The end of history” – bài luận nổi tiếng của F. Fukuyama nói về sự sụp đổ của hệ thống chủ nghĩa xã hội - ND). Các trích đoạn tuyên bố chính sách trong các báo cáo điều tra cho thấy tầng lớp lãnh đạo mới cho rằng họ có thể giải quyết những khó khăn này.¹⁶ Chính quyền mới hướng đến việc triệt tiêu tham nhũng, cải cách các doanh nghiệp nhà nước, nâng cao đời sống của bộ phận lớn nông dân, cải thiện môi trường, tuân thủ những quy định của WTO và lợi dụng những ưu tiên trong quá trình quá độ để hướng đến việc tuân thủ hoàn toàn các quy định đó, đàn áp chống đối chính trị, giải quyết các khó khăn từ chính sách ngăn chặn của Hoa Kỳ, và quan trọng nhất, là giữ vững quyền

¹⁶ Xem Andrew J. Nathan & Bruce Gilley, *New Rulers*, chs. 7, 8.

lực và lãnh đạo Trung Quốc đi đến hiện đại hoá. Đối với chính quyền này, lập luận cho rằng dân chủ hoá, tự do và nhân quyền đem đến sự ổn định thực chất hơn theo quan điểm của các nhà dân chủ trên thế giới là không có giá trị.

Sự dẻo dai của chế độ chuyên chế Trung Quốc có nhiều ý nghĩa lý luận phức tạp. Trong nửa thế kỉ qua, các học giả đã bàn luận xem các chế độ chuyên chế có thích ứng được với thời kì hiện đại hay. Vì vậy, sự dẻo dai của chính quyền Trung Quốc có hai ý nghĩa. Thứ nhất, để thích ứng và tồn tại, nhà nước này phải thực hiện những cải cách mà Talcott Parsons đã dự đoán trong lí thuyết của mình, đó là: 1) dẹp bỏ ý thức hệ không tưởng và kiểu lãnh đạo cá nhân tối cao; 2) trao quyền lực cho tầng lớp kỹ trị; 3) áp dụng việc điều phối, nâng cao năng lực và chuyên môn hoá các cơ quan hành chính; 4) giảm việc kiểm soát quyền ngôn luận và hành động cá nhân. Thứ hai, khác với dự báo của Talcott Parsons, những thích ứng nói trên đã không dẫn đến thay đổi chế độ. Theo cách nói của Richard Lowenthal, nhà nước Trung Quốc đã chuyển đổi từ “không tưởng đến phát triển”.¹⁷ Và Đảng Cộng sản đã thực hiện được những cải cách này mà nhưng không kích thích quá trình dân chủ hoá.

Mặc dù quá trình dân chủ hoá vẫn có thể diễn ra trong tương lai, kinh nghiệm trong hai thập niên qua cho thấy, quá trình dân chủ hoá không phải là không thể tránh khỏi. Với cùng những điều kiện giống nhau, trong khi những nơi khác đã dân chủ hoá thì ở Trung Quốc lại diễn ra quá trình chuyển đổi từ chế độ toàn trị (totalitarianism) sang một mô hình chuyên chế (authoritarianism) kinh điển và chế độ này đang ngày càng ổn định.

Đương nhiên, các học thuyết về dân chủ hóa xem chủ thể xã hội là trung tâm hay xem chủ thể cá nhân là trung tâm đều không dự báo một kết quả nào chắc chắn trong bất kì khung thời gian cụ thể nào. Trường hợp Trung Quốc chỉ khẳng định bài học rằng kết quả đó phụ thuộc vào các chính trị gia và ý chí đeo bám quyền lực của họ. Ngoài ra, trường hợp Trung Quốc cũng nhắc nhở chúng ta rằng dân chủ hoá có thể là một quá trình rất lâu dài. Mặt khác, Trung Quốc cũng có thể cho thấy một khả năng đáng quan ngại: chế độ chuyên chế hoàn toàn có thể tồn tại thậm chí ngay cả dưới điều kiện hiện đại hoá cao và hội nhập với nền kinh tế toàn cầu.

¹⁷ Talcott Parsons, *The Social System* (New York: Free Press, 1951), 525–35; Richard Lowenthal, “Development vs. Utopia in Communist Policy,” trong Chalmers Johnson, ed., *Change in Communist Systems* (Stanford: Stanford University Press, 1970), 33– 116.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Ngheencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://ngheencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Ngheencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Ngheencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Ngheencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Ngheencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *ngheencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *ngheencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *ngheencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *ngheencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Ngheencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: ngheencuuquocte@gmail.com.